

Số: 126/QĐ-ĐHĐN

Đồng Nai, ngày 30 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

V/v Ban hành Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI

Căn cứ Quyết định số 1572/QĐ-TTg ngày 20/08/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Đồng Nai trên cơ sở nâng cấp trường Cao đẳng Sư phạm Đồng Nai;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học Công nghệ về cơ chế khoán cho kinh phí để tài nghiên cứu khoa học, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 22/04/2015 của Bộ trưởng Bộ tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học Công nghệ về việc hướng dẫn định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1668/QĐ-ĐHĐN-NCKH ngày 13/12/2019 của Hiệu trưởng trường Đại học Đồng Nai về việc Ban hành Quy định về sở hữu trí tuệ trong trường Đại học Đồng Nai;

Căn cứ Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định Chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 01/9/2020 của Hội đồng Trường Đại học Đồng Nai về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động trường Đại học Đồng Nai;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng NCKH, SDH & QHQT,

QUYẾT ĐỊNH:

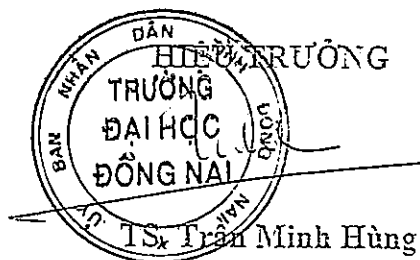
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này thay thế cho Quyết định số 1751/QĐ-ĐHĐN ký ngày 17/12/2019 quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Đồng Nai.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trường phòng, Trường khoa, Trường bộ môn trực thuộc, giảng viên và sinh viên trường Đại học Đồng Nai chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Ban Giám hiệu (để báo cáo);
- Lưu VT, P.NCKH-SĐH&QHQT.



QUY ĐỊNH
VỀ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 122/QĐ-ĐHĐN ký ngày 30 tháng 10 năm 2020 của
Hiệu trưởng trường Đại học Đồng Nai)

CHƯƠNG 1: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi và đối tượng áp dụng

Quy định này quy định về hoạt động Nghiên cứu Khoa học và Công nghệ tại trường Đại học Đồng Nai;

Quy định này quy định về định mức, hướng dẫn việc thực hiện, đánh giá tính khả thi của đề cương nghiên cứu khoa học (NCKH); quy trình nghiệm thu, đánh giá đề tài NCKH cấp trường; đánh giá, tuyển chọn và giới thiệu các đề tài khoa học và công nghệ cấp Ngành, cấp Tỉnh, cấp Bộ và cấp Nhà nước ở trường Đại học Đồng Nai;

Các đề tài NCKH đã nghiệm thu nhưng chưa thanh toán, các bài báo chưa được hỗ trợ cũng được áp dụng theo quy định này;

Quy định này áp dụng đối với giảng viên cơ hữu và viên chức công tác tại trường Đại học Đồng Nai.

Điều 2. Mục đích hoạt động NCKH

Tạo ra tri thức mới, công nghệ mới, sản phẩm mới, giải pháp mới góp phần hình thành và nâng cao năng lực NCKH cho viên chức, giảng viên, người học;

Phục vụ bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho viên chức, giảng viên;

Phục vụ trực tiếp phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo nhà trường;

Phục vụ hiện đại hóa giáo dục nhà trường; phục vụ đổi mới mục tiêu, nội dung, phương pháp và chương trình giảng dạy theo hướng tiêu chuẩn hóa, hiện đại hóa; phát huy tư duy sáng tạo, năng lực tự học, tự nghiên cứu của sinh viên;

Phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng của địa phương, đất nước; góp phần tạo cơ sở từng bước hội nhập với khoa học và công nghệ trong nước, quốc tế.

Điều 3. Các định hướng hoạt động NCKH

Phục vụ giảng dạy: biên soạn tài liệu giảng dạy (sách chuyên khảo; giáo trình; tài liệu tham khảo...); hướng dẫn nghiên cứu sinh, học viên cao học; sinh viên NCKH;

Tổ chức hoặc tham gia tổ chức hội thảo khoa học các cấp, tọa đàm, sinh hoạt chuyên môn để phổ biến và cập nhật kiến thức cho giảng viên, sinh viên;

Xây dựng các diễn đàn khoa học, hội nghị NCKH của sinh viên; thành lập các vườn ươm khoa học để khuyến khích sinh viên đến với hoạt động NCKH; tổ chức các buổi tập huấn về phương pháp NCKH cho sinh viên, các hội thi sáng tạo, hội thi olympic, ... để sinh viên tự đào sâu NCKH nhằm biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo. Tạo mọi điều kiện tốt nhất cho sinh viên tham gia NCKH;

Chủ trì hoặc tham gia các chương trình, đề tài, dự án, nhiệm vụ khoa học các cấp: cấp Nhà nước, cấp Bộ và cấp Bộ trọng điểm, cấp Tỉnh, cấp Ngành, cấp Trường;

Tham gia Hội đồng Khoa học các cấp, hội đồng bảo vệ luận văn thạc sĩ, bảo vệ luận án tiến sĩ, ...;

Tham gia các giải thưởng, các hội thi sáng tạo về khoa học công nghệ; sở hữu các bằng phát minh, sáng chế, ...;

Viết tham luận, báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, seminar, câu lạc bộ, ... để phổ biến, trao đổi thông tin, học hỏi kinh nghiệm trong giảng dạy và trong quản lý nhà trường. Viết bài đăng trên: Kỷ yếu, Tạp chí Khoa học của trường Đại học Đồng Nai; Tạp chí Khoa học của các trường đại học, của Tỉnh, của Bộ, Ngành trong nước và quốc tế;

Đẩy mạnh việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào hoạt động đào tạo của nhà trường; chuyển giao công nghệ, NCKH theo nhu cầu của xã hội, phục vụ nhu cầu sản xuất, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương. Đẩy mạnh nghiên cứu chuyên sâu trên một số lĩnh vực để tiến đến kết hợp với các doanh nghiệp của địa phương thực hiện các hợp đồng nghiên cứu theo đơn đặt hàng;

Xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật, trang thiết bị thực hành, thực tập góp phần nâng cao chất lượng đào tạo;

Xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin về khoa học và công nghệ nhà trường;

Hỗ trợ xác lập và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, thương mại; chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ theo quy định nhà nước.

Điều 4. Đầu tư cơ sở vật chất, đào tạo và nâng cao trình độ giảng viên tham gia hoạt động NCKH

Nhà trường có kế hoạch chủ động tìm kiếm các nguồn vốn khác nhau để đầu tư trang thiết bị khoa học, phòng thí nghiệm hiện đại phục vụ hoạt động NCKH;

Nhà trường tiến hành xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo bồi dưỡng đội ngũ viên chức khoa học đầu ngành, nhà khoa học trẻ, các nhóm nghiên cứu;

Nhà trường tham mưu UBND tỉnh có chính sách thu hút và đãi ngộ các nhà khoa học ngoài trường cùng tham gia giảng dạy và NCKH tại trường;

Nhà trường khuyến khích giảng viên đăng các công trình NCKH của mình lên các tạp chí quốc tế uy tín thuộc danh mục ISI, Scopus, ...

Điều 5. Hợp tác NCKH và công nghệ với các trường đại học trong nước, quốc tế

Liên kết với các trường đại học trong và ngoài nước tổ chức các hội thảo toàn quốc, quốc tế;

Tìm kiếm nguồn tài trợ, liên kết với các tổ chức phi chính phủ; tổ chức các hội thảo, giao lưu quốc tế về khoa học và giáo dục;

Tiến hành các hoạt động hợp tác trong, ngoài nước thực hiện các công trình nghiên cứu khoa học và công nghệ;

Trao đổi thông tin khoa học, công nghệ với các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu khác trong và ngoài nước;

Khuyến khích và có chế độ hỗ trợ các viên chức, giảng viên được mời báo cáo khoa học tại các hội thảo quốc tế trong và ngoài nước;

Tạo điều kiện thuận lợi cho sự hợp tác giữa các đơn vị, cá nhân trong trường với các đối tác trong và ngoài nước.

Điều 6. Phân loại đề tài

1. Đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Tỉnh

Đề tài được triển khai từ các chương trình, nội dung nghiên cứu do Tỉnh và các cơ quan Trung ương có hoạt động Khoa học Công nghệ như Bộ Giáo dục - Đào tạo, Bộ Khoa học - Công nghệ, Bộ Nông nghiệp - Phát triển Nông thôn, Bộ Công thương, v.v... quy định. Đó là các đề tài thuộc các lĩnh vực:

- Nghiên cứu khoa học cơ bản;
- Nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn;
- Nghiên cứu khoa học tự nhiên;
- Nghiên cứu khoa học giáo dục;
- Nghiên cứu khoa học công nghệ;
- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông;



- Nghiên cứu áp dụng kỹ thuật công nghệ vào sản xuất, cung cấp các giải pháp về công nghệ, thiết bị, sản phẩm mới phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;

- Nghiên cứu đẩy mạnh phát triển, ứng dụng công nghệ sinh học và đa dạng hóa nuôi trồng thủy sản;

- Phát triển các mô hình ứng dụng, chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi;

- Nghiên cứu sản xuất thử nghiệm với quy mô nhỏ nhằm hoàn thiện công nghệ mới, sản phẩm mới trước khi đưa vào sản xuất đại trà;

- Nghiên cứu hỗ trợ doanh nghiệp.....

a. Đề tài cấp Nhà nước

Đề tài cấp Nhà nước là đề tài do Bộ Khoa học và Công nghệ giao nhiệm vụ trên cơ sở ý kiến tư vấn của Hội đồng tư vấn cấp Bộ sau khi có ý kiến thẩm định của các sở, ban, ngành có liên quan.

b. Đề tài cấp Bộ

Đề tài cấp Bộ có 2 loại:

- Đề tài trọng điểm cấp Bộ: Do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT phê duyệt trên cơ sở ý kiến tư vấn và tuyển chọn của Hội đồng Khoa học và Công nghệ cấp Bộ hoặc được Bộ GD&ĐT giao nhiệm vụ trực tiếp và được ưu tiên đầu tư kinh phí;
- Đề tài cấp Bộ: Do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT phê duyệt theo đề nghị của Hiệu trưởng sau khi có ý kiến tư vấn của *Hội đồng Khoa học trường* tuyển chọn và kinh phí do trường đại học đầu tư.

c. Đề tài cấp Tỉnh

Đề tài cấp Tỉnh là đề tài do chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt trên cơ sở ý kiến tư vấn của Hội đồng tư vấn cấp tỉnh sau khi có ý kiến thẩm định của các sở, ban, ngành có liên quan.

2. Đề tài cấp trường

Đề tài cấp trường là đề tài do Hội đồng Khoa học trường phê duyệt, sau khi Hội đồng Khoa học khoa có ý kiến về tính khả thi của đề tài.

Đó là những đề tài trực tiếp phục vụ cho sự nghiệp phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo của nhà trường. cụ thể là:

- Nghiên cứu các giải pháp đổi mới nội dung, chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy; đổi mới quản lý và giải pháp thực hiện nhiệm vụ xây dựng, phát triển nhà trường;

- Nghiên cứu các giải pháp phát triển đội ngũ, nguồn nhân lực, xây dựng cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu phát triển hoạt động NCKH của nhà trường;

- Tham gia các đề tài trong chương trình hợp tác quốc tế, phát triển công nghệ thông tin, cải tiến công tác sinh viên và học sinh, đảm bảo chất lượng đào tạo trong nhà trường;

Đề tài cấp trường được tính là *đề tài cấp cơ sở* được sử dụng làm điều kiện để thi chuyển các ngạch chức danh. Để giới thiệu viên chức giảng viên thi chuyển các ngạch chức danh, Nhà trường chỉ chấp nhận đề tài cơ sở là đề tài cấp trường Đại học Đồng Nai và đề tài các cấp cao hơn (cấp ngành, cấp tỉnh, cấp Bộ, cấp Nhà nước...) không chấp nhận đề tài cơ sở của các cơ sở đào tạo khác.

3. Sách chuyên khảo, giáo trình, tài liệu tham khảo, đề thi

Sách chuyên khảo, giáo trình, tài liệu tham khảo, bộ đề thi, ... phục vụ giảng dạy và học tập;

Giảng viên đủ điều kiện thực hiện sách chuyên khảo, giáo trình vẫn được hưởng các quyền lợi như đề tài cấp trường: xét duyệt, nghiệm thu, kinh phí, quy đổi tiết chuẩn,...;

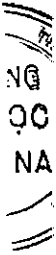
Sách chuyên khảo, giáo trình phòng NCKH, SĐH&QHQT sẽ tham mưu nhà trường in thành sách phục vụ cho giảng dạy và học tập. Khi sách chuyên khảo, giáo trình được xét duyệt để in tác giả phải hỗ trợ nhà xuất bản chỉnh sửa bản thảo và sẽ được nhận quyền lợi như quy định ở điều 7 khoản b;

Tác giả thực hiện đề thi sẽ đăng ký tại khoa. *Hội đồng khoa học khoa* sẽ xét duyệt tính cần thiết và khả thi của đề thi. *Hội đồng khoa học khoa* sẽ thành lập hội đồng nghiệm thu khi tác giả nộp sản phẩm. Hội đồng nghiệm thu phải có sự tham dự của viên chức phòng Khảo thí, Đảm bảo Chất lượng & Thanh tra Giáo dục. Khi đề thi được thông qua và áp dụng tác giả sẽ nhận quyền lợi như điều 7 khoản c;

Sách chuyên khảo, giáo trình không được tính là *đề tài cấp cơ sở* nhưng là điều kiện để thi chuyển các ngạch chức danh.

4. Sáng kiến kinh nghiệm

Sáng kiến kinh nghiệm là các sáng kiến có phạm vi nghiên cứu nhỏ, có tính mới, tính sáng tạo, có tính thực tiễn và khả năng áp dụng trong phạm vi khoa, phòng, môn học,...;



Sáng kiến kinh nghiệm chỉ áp dụng cho các viên chức được xét tặng các danh hiệu thi đua vào cuối năm học;

Sáng kiến kinh nghiệm không phải là *đề tài cấp cơ sở*.

Điều 7. Tiêu chuẩn thực hiện đề tài cấp trường, sách chuyên khảo, giáo trình, sáng kiến kinh nghiệm

1. Tiêu chuẩn thực hiện các đề tài cấp trường

Đó là những đề tài chưa được nghiên cứu hoặc đã nghiên cứu nhưng chưa hoàn thiện.

Có thể chia đề tài nghiên cứu làm 2 loại sau:

- Đề tài nghiên cứu ứng dụng: trực tiếp tạo ra sản phẩm ứng dụng, có quy mô lớn, có thể chuyển giao sử dụng với quy mô toàn trường hoặc có thể chuyển giao công nghệ vào sản xuất và đời sống,...
- Đề tài nghiên cứu cơ bản: có tiềm năng tạo ra ứng dụng quy mô lớn, tạo tiền đề cho các nghiên cứu ứng dụng trong công nghiệp, phục vụ cho phát triển nhà trường và đất nước,...

Các đề tài được phê duyệt phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- Đề tài không được trùng với nội dung luận văn, luận án đã công bố hoặc đang thực hiện (tính đến thời điểm đăng ký);
- Đề tài không được trùng với đề tài đã thực hiện ở các năm trước (Hội đồng khoa học khoa phải chịu trách nhiệm kiểm tra vấn đề này);
- Đề tài cấp trường ngoài chủ nhiệm đề tài có thể có các thành viên tham gia nhóm nghiên cứu. Nhóm nghiên cứu không quá 4 người kể cả chủ nhiệm đề tài. Nhóm nghiên cứu có thể có thư ký đề tài, nhưng không có đồng chủ nhiệm và phó chủ nhiệm đề tài;
- Các công trình nghiên cứu có mức độ ứng dụng cao hơn có thể đăng ký ở các cấp cao hơn như: cấp Ngành (kính phí 50/50), cấp Tỉnh, cấp Bộ, cấp Nhà nước,....;
- Nhà trường sẽ không nghiệm thu đề tài NCKH đối với những cá nhân không đăng ký đề tài NCKH vào đầu năm học.

2. Tiêu chuẩn thực hiện sách chuyên khảo, giáo trình, đề thi

a. Sách chuyên khảo

Biên soạn sách chuyên khảo được triển khai phạm vi cấp trường do Hội đồng Khoa học trường quyết định;

Sách chuyên khảo mục đích phục vụ cho nghiên cứu chuyên môn sâu ở một số lĩnh vực xã hội, tự nhiên, nhân văn, kinh tế,;

Chủ nhiệm đề tài là những giảng viên có học hàm, học vị phó giáo sư, tiến sĩ trở lên.

b. Giáo trình

Biên soạn giáo trình được triển khai phạm vi cấp trường do Hội đồng Khoa học trường quyết định;

Chủ nhiệm đề tài là người có học vị tiến sĩ trở lên, phải có chuyên môn phù hợp. Tham gia biên soạn (nếu có) phải là người có học vị thạc sĩ trở lên;

Tên của giáo trình phải trùng với tên môn học trong chương trình đào tạo của nhà trường;

Các giáo trình sau khi được nghiệm thu thuộc bản quyền của nhà trường và sẽ được nhà trường in thành sách phục vụ giảng dạy và học tập của giảng viên, sinh viên;

Nhà trường khuyến khích các giảng viên có học vị tiến sĩ tham gia viết giáo trình phục vụ cho các ngành học, các môn học được đào tạo tại trường. Ngoài kinh phí viết giáo trình theo *Thông tư số: 76/2018/TT-BTC ký 17 tháng 8 năm 2018 về việc hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp*, Nhà trường còn thưởng 5 triệu cho mỗi cuốn sách sau khi được in thành sách và tác giả phải có trách nhiệm hỗ trợ sửa bản thảo trong quá trình in;

Sách chuyên khảo, giáo trình đã được tác giả in thành sách Nhà trường sẽ mua lại bản quyền sau khi tác giả nộp thư viện 20 cuốn, toàn bộ hồ sơ giấy phép in và file mềm của cuốn sách. Theo quy định về quyền sở hữu trí tuệ năm 2019, nhà trường sẽ mua lại với giá 30 triệu sau khi thông qua hội đồng xét duyệt để sử dụng trong giảng dạy và học tập.

Các trường hợp khác do Hiệu trưởng quyết định.

c. Đề thi

Nhà trường khuyến khích các giảng viên tham gia tạo ngân hàng đề thi. Đây là đề tài do hội đồng khoa quản lý. Nếu đề thi được phòng Khảo thí, Đảm bảo Chất lượng & Thanh tra Giáo dục sử dụng hiệu quả, nhà trường sẽ thưởng 1,5 triệu cho mỗi bộ đề thi đạt yêu cầu và tác giả phải có trách nhiệm sửa chữa cho phù hợp nhu cầu ứng dụng.

3. Sáng kiến kinh nghiệm

Các sáng kiến kinh nghiệm được triển khai phạm vi cấp khoa, phòng, trung tâm.

Sáng kiến kinh nghiệm là loại đề tài chỉ dành cho các viên chức, giảng viên được miễn NCKH nhưng có đăng ký danh hiệu thi đua các cấp.

Điều 8. Định mức giờ chuẩn NCKH và quy đổi hoạt động NCKH ra giờ chuẩn

1. Định mức giờ chuẩn NCKH của giảng viên

Theo thông tư số: 20/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ký ngày 27 tháng 07 năm 2020 quy định chế độ làm việc đối với giảng viên cơ sở giáo dục đại học, trong đó giảng viên phải dành ít nhất 1/3 tổng quỹ thời gian làm việc trong năm (1760 giờ hành chính) tức là ít nhất 586 giờ hành chính. Theo thông tư trên, nhà trường thống nhất định mức giờ chuẩn NCKH của giảng viên là 200 giờ chuẩn.

2. Cách quy đổi ra giờ chuẩn NCKH của giảng viên theo năm học

STT	Nhiệm vụ	Giờ chuẩn /năm học
I	ĐỀ TÀI	
1	Đề tài cấp nhà nước, cấp bộ trọng điểm (tính cho mỗi năm, trừ năm trễ hạn phải gia hạn) (Chủ nhiệm được tính 50%, thành viên tham gia kể cả chủ nhiệm chia đều 50% còn lại).	2.400
2	Dự án sản xuất thử nghiệm (tính cho mỗi năm, trừ năm trễ hạn) (Chủ nhiệm được tính 50%, thành viên tham gia kể cả chủ nhiệm chia đều 50% còn lại).	2.200
3	Đề tài cấp bộ (tính cho mỗi năm, trừ năm trễ hạn) (Chủ nhiệm được tính 50%, thành viên tham gia kể cả chủ nhiệm chia đều 50% còn lại).	2.000
4	Đề tài cấp tỉnh (tính cho mỗi năm, trừ năm trễ hạn) (Chủ nhiệm được tính 50%, thành viên tham gia kể cả chủ nhiệm chia đều 50% còn lại).	1.800
5	Đề tài 50/50 (tính cho mỗi năm, trừ năm trễ hạn) (Chủ nhiệm được tính 50%, thành viên tham gia kể cả chủ nhiệm chia đều 50% còn lại).	1.700
6	Đề tài cấp cơ sở (cấp trường) (tính cho mỗi năm) (Chủ nhiệm được tính 50%, thành viên tham gia kể cả chủ nhiệm chia đều 50% còn lại).	1.600
II	BÀI BÁO, BÁO CÁO	
1	Bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI, Scopus (chia đều cho các thành viên).	1.200
2	Bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế khác; bài báo cáo trình bày tại hội nghị hội thảo Quốc tế tổ chức ở nước ngoài và <u>được đăng trong kỷ yếu</u> (chia đều cho các thành viên).	1.000
3	Báo cáo khoa học tại hội nghị hội thảo Quốc tế tổ chức ở trong nước và <u>được đăng trong kỷ yếu</u> (chia đều cho các thành viên).	800
4	Bài báo khoa học đăng trên các tạp chí chuyên ngành (được Hội đồng chức danh Giáo sư, Phó giáo sư nhà nước công nhận) (chia đều cho các thành viên).	600

5	Báo cáo khoa học tại hội nghị, hội thảo chuyên ngành toàn quốc và được đăng trong kỷ yếu (chia đều cho các thành viên).	500
6	Bài báo khoa học đăng trong tạp chí trường Đại học Đồng Nai (chia đều cho các thành viên).	400
7	Bài báo đăng trong tạp chí khác có chỉ số ISSN (chia đều cho các thành viên).	300
8	Báo cáo khoa học tại hội nghị cấp trường Đại học Đồng Nai được đăng trong kỷ yếu. (chia đều cho các thành viên).	150
9	Báo cáo khoa học tại hội nghị, hội thảo cấp trường đại học khác được đăng trong kỷ yếu (chia đều cho các thành viên).	150
10	Báo cáo khoa học tại seminar bộ môn (quy định một thành viên).	100
11	Các tác phẩm tham gia triển lãm quốc tế. (có giấy xác nhận)	800
12	Các tác phẩm tham gia triển lãm trong nước. (có giấy xác nhận)	450
13	Các tác phẩm tham gia triển lãm địa phương. (có giấy xác nhận)	200
III	SÁCH, TÀI LIỆU	
1	Sách chuyên khảo xuất bản ở nước ngoài. (Chủ biên được tính 50%, thành viên tham gia kể cả chủ nhiệm chia đều 50% còn lại).	3200
2	Sách chuyên khảo xuất bản trong nước. (Chủ biên được tính 50%, thành viên tham gia kể cả chủ nhiệm chia đều 50% còn lại).	1600
3	Sách giáo trình xuất bản nước ngoài. (Chủ biên được tính 50%, thành viên tham gia kể cả chủ nhiệm chia đều 50% còn lại).	3000
4	Sách giáo trình xuất bản trong nước. (Chủ biên được tính 50%, thành viên tham gia kể cả chủ nhiệm chia đều 50% còn lại).	1500
5	Tài liệu tham khảo xuất bản nước ngoài. (Chủ biên được tính 50%, thành viên tham gia kể cả chủ nhiệm chia đều 50% còn lại).	2800
6	Biên dịch tài liệu chuyên môn xuất bản trong nước. (Chủ biên được tính 50%, thành viên tham gia kể cả chủ nhiệm chia đều 50% còn lại).	800
7	Tài liệu tham khảo xuất bản trong nước. (Chủ biên được tính 50%, thành viên tham gia kể cả chủ nhiệm chia đều 50% còn lại).	600
8	Bộ đề thi. (được phòng khảo thí xác nhận sử dụng, quy định một thành viên)	300
9	Tài liệu hướng dẫn môn học. (quy định một thành viên).	300
IV	THAM GIA HĐ, HƯỚNG DẪN HỌC VIÊN, SINH VIÊN	
1	Hướng dẫn thành công 01 Luận án Tiến sĩ (trong năm cuối).	150
2	Hướng dẫn 01 Luận văn thạc sĩ (trong năm cuối).	70
3	Hướng dẫn sinh viên NCKH đạt giải cấp quốc gia/đề tài.	30
4	Hướng dẫn sinh viên NCKH đạt giải cấp tỉnh /đề tài.	25
5	Hướng dẫn sinh viên NCKH đạt giải khoa học sáng tạo/đề tài.	20
6	Hướng dẫn sinh viên NCKH đạt giải cấp trường /đề tài.	15
7	Hướng dẫn sinh viên làm bài tập lớn /đề tài.	4
8	Hướng dẫn sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp/đề tài.	25
9	Tham gia hội đồng bảo vệ tiến sĩ/hội đồng	40
10	Tham gia hội đồng bảo vệ thạc sĩ/hội đồng	30
11	Tham gia hội đồng từ cấp cơ sở trở lên/hội đồng	20

Theo cách quy đổi trên, giảng viên trước ngày 20/5 hàng năm sẽ tự khai báo số giờ chuẩn NCKH của mình trong năm học (phụ lục 1) có xác nhận của trường đơn vị. *Thời gian quy đổi điểm tính từ 1 tháng 6 năm trước đến 31 tháng 5 năm sau.*

Số giờ chuẩn NCKH trong năm học vượt mức giờ chuẩn NCKH sẽ được chuyển sang năm học liền kề (sẽ hủy bỏ trong năm kế tiếp sau năm học liền kề). Số giờ chuẩn NCKH phụ trội sẽ không quy thành tiền dư giờ.

Các báo cáo tại hội thảo được đăng trên kỷ yếu hội thảo, sau đó được xét đăng trên tạp chí có chỉ số ISSN thì chỉ tính giờ chuẩn theo mức cao nhất (ví dụ đạt II.6 và II.8 thì chọn mức II.6). Thời gian tính bài báo kể từ ngày 1 tháng 6 năm trước đến ngày 31 tháng 5 năm sau. Các bài báo nằm trong các mục tham khảo, trao đổi ý kiến, truyện cười,... sẽ không được xét điểm. Bài báo được tính là bài báo đã xuất bản (có số, có mục lục đối với tạp chí, đã đăng trên mạng nếu báo online), không chấp nhận giấy đồng ý đăng bài của tạp chí.

Đề tài các cấp nếu làm 2 năm trở lên, chủ nhiệm đề tài phải nộp báo cáo tiến độ (phụ lục 13) trước ngày 20/5 hàng năm. Các giảng viên tham gia đề tài phải có hoạt động NCKH phù hợp cho các năm chưa hoàn thành (bài báo, tham gia hội đồng khoa học, hội thảo khoa học, các hoạt động NCKH khác) để tránh trường hợp đề tài không hoàn thành;

Do tình hình một số đơn vị không có sinh viên hoặc khi tổng giờ giảng dạy trung bình của GV trong đơn vị thấp hơn giờ chuẩn giảng dạy, lúc này số giờ giảng dạy của một số giảng viên trong đơn vị sẽ không đủ giờ chuẩn. Để giải quyết trường hợp này, lãnh đạo đơn vị có thể thay giờ chuẩn NCKH thành số giờ chuẩn giảng dạy sau khi trừ định mức NCKH nhưng phải báo cáo với lãnh đạo nhà trường. Không giải quyết trường hợp giảng viên thay giờ chuẩn NCKH thành giờ chuẩn giảng dạy để khởi thực hiện giờ lên lớp khi tổng giờ dạy trung bình của GV trong đơn vị cao hơn chuẩn giảng dạy.

- Các trường hợp không có trong bảng quy đổi trên sẽ do Hội đồng khoa học trường quyết định số giờ chuẩn quy đổi;

- Chỉ làm tròn ở kết quả cuối cùng khi đã tính giờ chuẩn quy đổi;

- Không tính giờ chuẩn đối với các đề tài đã quá hạn thực hiện.

Điều 9. Nhiệm vụ NCKH và xử lý khi không hoàn thành nhiệm vụ NCKH

1. Trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ NCKH

Nhiệm vụ NCKH là bắt buộc đối với giảng viên;

Giảng viên trong thời gian tập sự phải thực hiện nhiệm vụ NCKH với giảng viên hướng dẫn (số giờ chuẩn là 50% so với ngạch giảng viên);

Giảng viên phải khai báo giờ NCKH sau khi quy đổi theo điều 8 quy định này (phụ lục 1) trước ngày 20/5 hàng năm để kịp xét thi đua cuối năm.

2. Những trường hợp không hoàn thành nhiệm vụ NCKH

Không đủ giờ chuẩn NCKH theo điều 8 khoản 1 của quy định này vào cuối năm học;

Đề tài nghiên cứu các cấp quá thời gian gia hạn.

3. Xử lý trường hợp không hoàn thành nhiệm vụ NCKH

Để xử lý các trường hợp không hoàn thành nhiệm vụ NCKH, giảng viên cần có đơn kèm ghi rõ các trường hợp:

- Lấy giờ giảng dạy thừa bù đủ số giờ chuẩn NCKH (phụ lục 2a)

- Nếu giảng viên không đủ giờ giảng dạy để bù số giờ chuẩn NCKH, thì sẽ áp dụng hình thức đóng tiền thay thế cho giờ chuẩn NCKH: 22.000.000 đ. (200 tiết chuẩn x 110.000 đ/tiết (đơn giá trình độ thạc sĩ theo quy chế chi tiêu nội bộ năm 2020))

thì vẫn xem là hoàn thành nhiệm vụ NCKH;

Các giảng viên không hoàn thành nhiệm vụ NCKH thì sẽ bị xếp loại cuối năm là không HTNV.

4. Miễn nhiệm vụ NCKH của giảng viên

Viên chức có mã ngạch giảng viên đang công tác tại các đơn vị hành chính: phòng, ban, trung tâm,...;

Giảng viên đang học cao học, nghiên cứu sinh:

- Đang học năm cuối;

- Học hoàn toàn tại nước ngoài;

- Học tập trung toàn thời gian tại cơ sở đào tạo.

Giảng viên đang dự các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ 9 tháng trở lên;

Các trường hợp khác như đau bệnh, nghỉ hộ sản.v.v...không thể tham gia công tác NCKH;

Các cá nhân có giấy chấp nhận nghỉ không lương từ 6 tháng trở lên do nhà trường ký;

Các cá nhân phải làm đơn gửi khoa, phòng NCKH, SĐH&QHQT (phụ lục 2), phòng NCKH, SĐH&QHQT sẽ trình Chủ tịch Hội đồng Khoa học trường xem xét, giải quyết miễn NCKH.

Để xét danh hiệu chiến sĩ thi đua các cấp, viên chức, giảng viên, kể cả người được miễn NCKH đều phải có sáng kiến kinh nghiệm hoặc hoàn thành công trình NCKH.

Điều 10. Khuyến khích và khen thưởng

1. Khuyến khích

Nhà trường khuyến khích các tập thể và cá nhân tham gia việc đăng ký đề tài NCKH các cấp: cấp Trường, cấp Ngành (đề tài 50/50), cấp Tỉnh, cấp Bộ, cấp Nhà nước...;

Các cá nhân, tập thể có bài báo trên các tạp chí (ngoài quy đổi giờ chuẩn) sẽ có hỗ trợ như sau:

- Đăng bài trong tạp chí Đại học Đồng Nai sẽ được hỗ trợ: 600.000đ/bài;
- Tạp chí được tính điểm trong hội đồng chức danh giáo sư nhà nước sẽ hỗ trợ: 1.500.000đ/bài;
- Tạp chí quốc tế (kể cả báo mạng) sẽ được hỗ trợ: 3.000.000đ/bài;
- Tạp chí (kể cả báo mạng) thuộc danh mục ISI hoặc thuộc danh mục Scopus sẽ được hỗ trợ: 25.000.000đ/bài;

Các cá nhân tham gia các hội thảo trong nước sẽ được nhà trường hỗ trợ tiền đi lại, hội nghị phí và công tác phí;

Các cá nhân có giấy mời tham dự hội thảo quốc tế sẽ được nhà trường hỗ trợ vé máy bay khứ hồi, hội nghị phí nhưng các chi phí còn lại cá nhân tự chi trả. Mức hỗ trợ không quá kinh phí cao nhất để thực hiện một đề tài cấp trường.

Chú ý:

- Để được hỗ trợ kinh phí tham gia hội nghị/ hội thảo: giảng viên phải có bài báo cáo tại hội nghị/hội thảo hoặc có bài báo đăng trên kỷ yếu hội nghị/hội thảo và đồng thời có giấy mời tham dự hội nghị/hội thảo.

- Các cá nhân hoặc nhóm nghiên cứu sẽ được hỗ trợ hoàn toàn chi phí đăng bài trên các tạp chí (nếu có), nhưng phải có chứng từ chứng minh.

- Trong các bài báo tham dự hội thảo phải có tên *trường Đại học Đồng Nai* tài trợ nghiên cứu.

2. Khen thưởng

Nhà trường sẽ xét khen thưởng hoặc đề xuất các hình thức khen thưởng cấp cao hơn cho các cá nhân (trong năm học tính từ 1/6 năm trước đến 31/5 năm sau) thỏa mãn một trong những điều kiện sau:

- Hoặc có từ 1 bài báo trở lên đăng trên tạp chí thuộc danh mục ISI hoặc danh mục Scopus;
- Hoặc có từ 2 bài báo trở lên đăng trên các tạp chí có chỉ số ISSN;
- Hoặc chủ nhiệm một công trình NCKH đã có giấy công nhận hoàn thành ở các cấp: Tỉnh, Ngành, Bộ, Nhà nước...;
- Hoặc hoàn thành luận án Tiến sĩ trước thời hạn;
- Đạt được học hàm Giáo sư, Phó Giáo sư.

CHƯƠNG II:

QUY TRÌNH XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, HỘI THẢO KHOA HỌC

Điều 11. Đăng ký và xét duyệt

1. Đề tài cấp tỉnh, cấp bộ, cấp nhà nước

Việc đăng ký, xét duyệt tiến hành theo hai bước:

Bước 1:

Căn cứ thông báo đề xuất đề tài, dự án (gọi chung là đề tài) KH-CN của Tỉnh và các cơ quan trung ương có hoạt động KH-CN (Bộ Khoa học Công nghệ, Bộ Giáo dục & Đào tạo,...), các cá nhân hay nhóm nghiên cứu đề xuất, đăng ký đề tài tại khoa.

Khoa tổng hợp các phiếu đề xuất gửi trường (Phòng NCKH, SĐH&QHQT). Nhà trường thành lập hội đồng cấp trường (cấp cơ sở) xét duyệt các đề tài đề xuất, tổng hợp gửi cơ quan chủ quản.

Hồ sơ đề xuất các khoa gửi về trường được nhân thành 2 bộ gồm:

- Bảng tổng hợp đề tài NCKH (phụ lục 3a);
- Các phiếu đề xuất đề tài (phụ lục 4a, 4b, 4c), tùy loại đề tài.

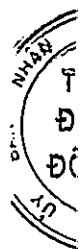
Bước 2:

Phòng NCKH, SĐH&QHQT sẽ tổng hợp, gửi lên các cơ quan cấp trên để xem xét.

Các cơ quan cấp trên sẽ tiến hành tổ chức thẩm định. Nếu đề tài được chấp thuận các chủ nhiệm đề tài sẽ tiến hành các thủ tục còn lại theo quy định của đề tài.

Với đề tài cấp tỉnh, hồ sơ gửi Sở Khoa học – Công nghệ đóng thành tập, gồm:

Đơn đăng ký chủ trì đề tài (theo mẫu B1-KX-DONTC đối với đề tài KH&NV; B1-KC-DONTC đối với đề tài KH-CN).



Thuyết minh đề tài (theo mẫu B2-KX-TMĐT đối với đề tài KHXXH&NV; B2-KC-TMĐT đối với đề tài KHCVN).

Tóm tắt hoạt động KHCVN của tổ chức đăng ký chủ trì đề tài (theo mẫu B3-KX-LLTC đối với đề tài KHXXH&NV; B3-KC-LLTC đối với đề tài KHCVN).

Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm và tham gia nghiên cứu chính đề tài (theo mẫu B4-KX-LLCN đối với đề tài KHXXH&NV; B4-KC-LLCN đối với đề tài KHCVN).

Giấy xác nhận phối hợp thực hiện đề tài (nếu có) phối hợp nghiên cứu (theo mẫu B5-PHNC).

Các văn bản pháp lý chứng minh khả năng huy động vốn từ các nguồn khác (trong trường hợp thuyết minh đề tài và dự toán kinh phí có nguồn vốn khác).

Các mẫu B1-KX-DONTC, B1-KC-DONTC, có thể liên hệ phòng NCKH, SĐH&QHQT để được cung cấp.

Hồ sơ được bỏ vào phong bì, niêm phong có ghi rõ bên ngoài:

- Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì đề tài;
- Tên đề tài đăng ký dự tuyển;
- Tên cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm đề tài;
- Tên các cá nhân và đơn vị phối hợp thực hiện đề tài;
- Liệt kê danh mục tài liệu, văn bản có trong hồ sơ.

Với đề tài do Bộ Giáo dục – Đào tạo làm cơ quan chủ quản:

Hồ sơ lập theo Thông tư số 11/2016/TT-BGDĐT ngày 11/4/2016 về quản lý đề tài KH&CN cấp bộ

2. Đề tài cấp trường, hội thảo cấp trường và hội thảo cấp khoa

a. Đối với đề tài cấp trường

Để có đủ thời gian thực hiện các đề tài cấp trường trọn một năm học, đề tài cấp trường sẽ bắt đầu đăng ký từ tháng 1 đến cuối tháng 3 hàng năm trước khi năm học kế tiếp bắt đầu. Việc đăng ký, tổ chức xét duyệt gồm ba bước:

Bước 1: Chủ nhiệm đề tài cấp trường nộp phiếu đề xuất đề tài (phụ lục 4d) để đăng ký đề tài tại khoa. Khoa tổ chức Hội đồng Khoa học khoa góp ý đề tài làm hồ sơ gửi trường. Nếu được Hội đồng Khoa học khoa thông qua, tác giả phải hoàn thiện hồ sơ gửi phòng NCKH, SĐH&QHQT. Hồ sơ gồm:

- Biên bản Hội đồng Khoa học khoa góp ý về đề cương nghiên cứu.

- 6 cuốn đề cương gồm:

- + Phiếu đề xuất đề tài NCKH (*phụ lục 4d*)
- + Đề cương đề tài NCKH cấp trường (*phụ lục 5*).
- + Kế hoạch nghiên cứu (*phụ lục 6*).
- + Lý lịch khoa học của chủ nhiệm và các thành viên (*phụ lục 7*)

Riêng việc đăng ký, xét duyệt đề tài NCKH cấp trường đối với viên chức, giảng viên công tác tại các phòng, ban, trung tâm, ...sẽ do phòng NCKH, SĐH&QHQT thực hiện.

Bước 2: Phòng NCKH, SĐH&QHQT sẽ tham mưu trình hội đồng Khoa học trường để sơ duyệt.

Bước 3: Sau khi xem xét hồ sơ ở bước 2, nhà trường sẽ tổ chức buổi xét duyệt đề cương. Tại buổi xét duyệt đề cương, chủ nhiệm đề tài phải thuyết minh, bảo vệ trước Hội đồng xét duyệt đề cương. Hội đồng xét duyệt đề cương có sự tham gia của các thành viên ngoài trường để đánh giá tính khả thi của đề tài.

Hội đồng xét duyệt đề cương do Hiệu trưởng trường Đại học Đồng Nai ra quyết định thành lập, gồm 5 thành viên: Chủ tịch hội đồng: ban Giám hiệu hoặc người có học vị cao nhất am hiểu lĩnh vực nghiên cứu của đề tài; Thư ký: viên chức phòng NCKH, SĐH&QHQT hoặc các viên chức, giảng viên có am hiểu lĩnh vực nghiên cứu của đề tài; 2 phản biện (là viên chức, giảng viên có trình độ chuyên môn cao, am hiểu sâu rộng lĩnh vực nghiên cứu của đề tài; có học vị ngang hoặc cao hơn chủ nhiệm đề tài; 1 trong 2 phản biện là người ngoài trường được gọi là phản biện 1); 1 ủy viên. Mỗi buổi xét duyệt không quá 2 đề tài.

Sau buổi xét duyệt đề cương, nếu đề cương của đề tài được Hội đồng xét duyệt đề cương nhất trí thông qua, chủ nhiệm đề tài phải sửa chữa theo ý kiến của hội đồng và nộp lại cho phòng NCKH, SĐH&QHQT một bộ hồ sơ hoàn chỉnh. Thời gian không quá 15 ngày kể từ ngày xét duyệt đề cương, nếu chủ nhiệm đề tài không nộp bản chỉnh sửa thì đề tài xem như bị hủy.

Sau khi nhận một bộ hồ sơ hoàn chỉnh, phòng NCKH, SĐH&QHQT sẽ tham mưu Hiệu trưởng ký hợp đồng cho phép thực hiện. Thời gian nghiên cứu được tính từ ngày Hiệu trưởng ra quyết định giao đề tài (được tính theo năm học).

b. Hội thảo cấp trường

Theo kế hoạch hàng năm hội thảo cấp trường sẽ diễn ra vào ngày thứ sáu, tuần thứ 3, tháng 5 hàng năm. Đầu năm học (đầu tháng 10), các trường khoa đăng ký tên hội thảo

cấp trường và kế hoạch hội thảo về phòng NCKH, SĐH&QHQT. Phòng NCKH, SĐH&QHQT sẽ trình Hội đồng Khoa học trường để có kế hoạch tổ chức.

c. Seminar bộ môn

Đầu năm học trường khoa đăng ký tên các seminar bộ môn theo đơn vị khoa/phòng. Tuy nhiên, trong năm học nếu đơn vị có nhu cầu tổ chức seminar đột xuất cần phải đăng ký trước 30 ngày để phòng NCKH-SĐH&QHQT có kế hoạch theo dõi và giúp đỡ.

Khoa tổ chức Hội đồng Khoa học khoa góp ý đề cương và kế hoạch seminar bộ môn vào đầu năm học (tuần thứ 3 của tháng 8), làm hồ sơ gửi nhà trường. Nhà trường sẽ có kế hoạch theo dõi và giúp đỡ các buổi seminar tại khoa.

Điều 12. Tổ chức nghiệm thu và báo cáo các buổi hội thảo

1. Nghiệm thu đề tài cấp Tỉnh, cấp Bộ, cấp Nhà nước

Sau khi hoàn thành đề tài nghiên cứu, tác giả nộp sản phẩm cho trường (phòng NCKH-SĐH&QHQT) hoặc cho cơ quan cấp trên (tùy yêu cầu của từng loại đề tài).

Nhà trường sẽ thực hiện các nhiệm vụ của mình tùy theo yêu cầu cấp trên.

2. Nghiệm thu đề tài cấp trường

Sau khi hoàn thành việc nghiên cứu, tác giả nộp sản phẩm nghiên cứu cho trường trước ngày 20/5, để phòng NCKH-SĐH&QHQT hoàn thành hồ sơ thi đua trước 31/5. Nhà trường sẽ bố trí thành lập hội đồng nghiệm thu cấp trường để nghiệm thu đề tài. Hội đồng nghiệm thu cấp trường do Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai ra quyết định thành lập, số lượng thành viên và thành phần hội đồng tương tự như Hội đồng xét duyệt đề cương đã nêu ở Điều 11 mục 11.2.1.

a. Hồ sơ gửi hội đồng nghiệm thu cấp trường

Bộ hồ sơ gửi hội đồng nghiệm thu cấp trường gồm:

1. Báo cáo tổng kết đề tài NCKH cấp trường (6 bản) (xem Điều 17.1 và 17.2).
2. Tóm tắt công trình nghiên cứu (6 bản). (xem Điều 17.3).
3. Sản phẩm của đề tài: file định dạng word hoặc file định dạng pdf nếu soạn thảo bằng Latex (công trình nghiên cứu, tóm tắt công trình nghiên cứu), sản phẩm (nếu có) hoặc giấy xác nhận của đơn vị thụ hưởng (phòng thí nghiệm,...), ảnh, đĩa CD (nếu có), ..
4. Photo các bài báo liên quan, gồm trang bìa, mục lục, nội dung bài báo. Riêng báo mạng có thể in nội dung bài và đường link của bài báo.

Hội đồng nghiệm thu không họp, nếu xảy ra một trong những trường hợp nêu trong Điều 13.

Riêng các đề tài là giáo trình tác giả phải nộp:

1. Báo cáo tổng kết đề tài NCKH cấp trường (6 bản) (xem điều 17.1 và 17.2).
2. Giáo trình hoàn chỉnh (6 bản).
3. Sản phẩm của đề tài gồm 02 file định dạng word: file báo cáo tổng kết đề tài và file giáo trình hoàn chỉnh. Chỉ riêng các sản phẩm biên soạn bằng Latex thì có thể gửi bản pdf

b. Trình tự buổi nghiệm thu đề tài cấp trường

Buổi nghiệm thu đề tài cấp trường tuân theo trình tự sau:

- Thư ký hội đồng được sự ủy nhiệm của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai tuyên bố lý do, công bố quyết định thành lập hội đồng nghiệm thu, giới thiệu chủ tịch hội đồng điều khiển phiên họp.

- Chủ tịch hội đồng điều khiển cuộc họp, công bố danh sách thành viên có mặt, các điều kiện chuẩn bị cho buổi nghiệm thu, công bố chương trình làm việc.

- Thư ký hội đồng trình bày các điều kiện cần thiết để chủ nhiệm đề tài và nhóm nghiên cứu bảo vệ kết quả nghiên cứu.

- Chủ nhiệm đề tài trình bày báo cáo khoa học về kết quả thực hiện đề tài trong thời gian không quá 30 phút (phụ lục 9). Các cộng tác viên bổ sung báo cáo của chủ nhiệm đề tài.

- Các phản biện đọc nhận xét và nêu câu hỏi.

- Các ủy viên và đại biểu tham dự có ý kiến về đề tài và nêu câu hỏi.

- Chủ nhiệm đề tài và nhóm nghiên cứu trả lời câu hỏi.

- Thư ký hội đồng tổng hợp các ý kiến của hội đồng về ưu, khuyết điểm của đề tài.

- Hội đồng họp riêng để các thành viên có mặt cho điểm đánh giá đề tài và thảo luận kết luận của hội đồng.

- Thư ký hội đồng công bố kết quả đánh giá, xếp loại đề tài.

- Chủ tịch hội đồng đọc kết luận của hội đồng và tuyên bố kết thúc phiên họp nghiệm thu.

Nếu đề tài không được thông qua, chủ nhiệm đề tài và các thành viên của đề tài sẽ không được tính số tiết chuẩn NCKH và phải hoàn trả tiền tạm ứng để thực hiện đề tài (nếu có).



c. Hoàn chỉnh hồ sơ sau nghiệm thu đề tài cấp trường

Trong vòng 15 ngày sau khi nghiệm thu, chủ nhiệm đề tài, phải:

- Chỉnh sửa theo ý kiến hội đồng và gửi cho chủ tịch hội đồng nghiệm thu có ý kiến;
- Sau khi có sự đồng ý của chủ tịch hội đồng nghiệm thu, tác giả hoàn thiện bộ hồ sơ theo yêu cầu của Quy định NCKH, nộp cho phòng NCKH, SĐH&QHQT.

Phòng NCKH, SĐH&QHQT, sau khi nhận được hồ sơ hoàn chỉnh của chủ nhiệm đề tài, phải:

- Tham mưu ra quyết định công nhận kết quả đề tài;
- Hỗ trợ các hồ sơ cần thiết cho chủ nhiệm đề tài thanh toán kinh phí.

Nếu quá 15 ngày, đề tài coi như không hoàn thành, lúc này sẽ chuyển sang giai đoạn thanh lý đề tài.

3. Thời gian nghiên cứu, gia hạn và nghiệm thu đề tài lần hai

a. Thời gian nghiên cứu

Đề tài cấp Tỉnh, cấp Bộ, cấp Nhà nước: Thời gian do hội đồng xét duyệt quyết định.

Đề tài cấp trường: Căn cứ quy mô, mục tiêu, nhiệm vụ và thời gian đăng ký nghiên cứu đề tài của chủ nhiệm đề tài mà hội đồng xét duyệt quyết định 1 trong 2 mức thời gian nghiên cứu sau:

- Mức 1: thời gian bằng một năm học.
- Mức 2: thời gian bằng hai năm học.

Các đề tài có thời gian thực hiện là 02 năm học, phải nộp báo cáo tiến độ (*phụ lục 13*) và phải thực hiện đủ tiết chuẩn NCKH khi kết thúc năm học thứ nhất (trước ngày 20/5 hàng năm).

b. Gia hạn

Đề tài cấp Tỉnh, cấp Bộ, cấp Nhà nước: Đơn xin gia hạn có ý kiến của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai, nhưng do cơ quan chủ quản quyết định.

Đề tài cấp trường: Nếu đề tài thực hiện không đúng thời hạn thì tác giả và nhóm nghiên cứu làm đơn xin gia hạn (*phụ lục 10*). Mỗi đề tài chỉ được gia hạn 1 lần. Thời gian gia hạn là: 02 tháng. Đơn xin gia hạn có chữ ký của trưởng khoa, gửi Phòng NCKH, SĐH&QHQT trình Chủ tịch HĐKH nhà trường xem xét, quyết định.

c. Nghiệm thu lần hai

Đề tài cấp Tỉnh, cấp Bộ, cấp Nhà nước: Hội đồng khoa học trường Đại học Đồng Nai sẽ tổ chức các hội đồng nghiệm thu các cấp theo yêu cầu của cấp trên.

Đề tài cấp trường:

- Với những đề tài không đạt nhưng Hội đồng nghiệm thu nhất trí cho bảo vệ lần 2, Chủ tịch Hội đồng sẽ cho phép chủ nhiệm đề tài chỉnh sửa đưa ra nghiệm thu lần 2. Chủ nhiệm đề tài phải tiến hành chỉnh sửa, chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày họp nghiệm thu lần 1. Phòng NCKH, SĐH & QHQT có nhiệm vụ bố trí buổi bảo vệ lần 2, thành viên hội đồng nghiệm thu lần 2 chủ yếu gồm những thành viên của hội đồng nghiệm thu lần 1, kinh phí do chủ nhiệm đề tài chi trả. Nhà trường không tổ chức nghiệm thu lần 3.

- Với những đề tài các cấp không đạt và Hội đồng nghiệm thu không nhất trí cho bảo vệ lần 2, nhưng chủ nhiệm đề tài không đồng ý với kết luận của Hội đồng. Chủ nhiệm đề tài có thể làm đơn xin xem xét thành lập hội đồng khác nếu có lý do xác đáng (phản biện không cùng chuyên môn, hội đồng không hợp lệ, ...). Thời gian nộp đơn xin xem xét không quá 15 ngày sau ngày bảo vệ lần 1 và phải trước khi văn bản công nhận hoàn thành NCKH của toàn trường. Hội đồng Khoa học cấp trường sẽ xem xét quyết định cho phép thành lập hay không thành lập Hội đồng nghiệm thu khác. Nếu được phép thành lập Hội đồng nghiệm thu chủ nhiệm đề tài phải nộp lại *bộ hồ sơ như nộp lần 1* (không chỉnh sửa theo kết luận Hội đồng lần 1) và chịu toàn bộ kinh phí hội đồng lần 2.

4. Báo cáo hội thảo cấp trường:

Sau khi hội thảo cấp trường kết thúc, Hội đồng Khoa học trường sẽ có ý kiến chọn đăng một số bài báo cáo có chất lượng vào tạp chí khoa học của trường. Ban tổ chức Hội thảo sẽ viết báo cáo hội thảo gửi hội đồng khoa học trường, phòng NCKH, SĐH & QHQT để lưu và rút kinh nghiệm.

5. Báo cáo seminar bộ môn

Sau khi hoàn thành seminar, Hội đồng Khoa học khoa các khoa tổ chức đánh giá các bài tham luận, đóng tập gửi phòng NCKH, SĐH & QHQT một bộ trước 15/5 hằng năm.

Các văn bản ceminaria bộ môn (phụ lục 17) gồm:

- Quyết định ban tổ chức ceminaria
- Biên bản buổi ceminaria.
- Bản đóng tập các báo cáo.
- Bảng đề xuất kinh phí tổ chức seminar theo quy định (điều 18 khoản 4).

Điều 13. Các trường hợp hội đồng các cấp không họp

Hội đồng Khoa học “không đủ điều kiện họp”, nếu xảy ra một trong những trường hợp sau:

- Vắng mặt chủ tịch hội đồng;
- Vắng mặt thư ký hội đồng;
- Vắng phần biện 1 (phần biện ngoài trường);
- Vắng mặt chủ nhiệm đề tài.

Hội đồng hợp lệ (không vi phạm các trường hợp trên) phải có từ 4 thành viên trở lên, thành viên vắng mặt phải có gởi bản nhận xét có chữ ký bằng mực xanh và sẽ không có bản điểm đánh giá.

Điều 14. Triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu

1. Đề tài cấp Tỉnh, cấp Bộ, cấp Nhà nước

Những đề tài được hội đồng nghiệm thu, sau khi sửa chữa theo góp ý của hội đồng nghiệm thu chính thức, tác giả nộp: bản cứng, bản mềm và các kết quả đề tài về Phòng NCKH, SĐH&QHQT không quá 15 ngày;

Phòng NCKH, SĐH&QHQT lập thủ tục chuyển Thư viện làm tài liệu tham khảo cho giảng viên và sinh viên.

2. Đề tài cấp trường

Những đề tài cấp trường được hội đồng nghiệm thu đánh giá đạt yêu cầu, sau khi sửa chữa theo góp ý của hội đồng nghiệm thu, tác giả nộp: bản cứng, bản mềm và các kết quả đề tài về Phòng NCKH, SĐH&QHQT. Phòng NCKH, SĐH&QHQT lập thủ tục chuyển Thư viện làm tài liệu tham khảo cho giảng viên và sinh viên;

Các đề tài có tính ứng dụng cao, đáp ứng được nhu cầu cụ thể của nhà trường và xã hội, phòng NCKH, SĐH&QHQT sẽ lập thủ tục xin phép, xin kinh phí và nghiên cứu triển khai.

3. Sách chuyên khảo, giáo trình

Sách chuyên khảo, giáo trình được hội đồng nghiệm thu đánh giá cao, phòng NCKH, SĐH&QHQT sẽ tham mưu đưa vào danh mục in thành sách phục vụ cho hoạt động giảng dạy và học tập.

Điều 15. Thanh lý đề tài

1. Các trường hợp bị thanh lý

Việc thanh lý đề tài được áp dụng trong những trường hợp sau đây:

- Đề tài đã hết hạn thực hiện 02 tháng (kể từ ngày 20/5 hàng năm) mà chưa có sản phẩm hoàn thành và chủ nhiệm đề tài không có hồ sơ xin gia hạn gửi phòng NCKH, SĐH&QHQT;

- Đề tài đang trong thời gian thực hiện nhưng không còn ý nghĩa khoa học và thực tiễn;

- Đề tài không thể thực hiện được vì các lý do từ phía chủ nhiệm đề tài;
- Đề tài không đạt yêu cầu khi tổ chức nghiệm thu.

2. Hồ sơ thanh lý

Hồ sơ thanh lý (phụ lục 15) gồm:

- Đề nghị của chủ nhiệm đề tài (nếu có);
- Các tài liệu đã thu thập, các kết quả nghiên cứu đã thực hiện (nếu có);
- Bản đề nghị quyết toán kinh phí đã được thanh toán của chủ nhiệm đề tài (nếu có);
- Đề nghị của phòng NCKH-SĐH & QHQT về việc thanh lý đề tài;
- Quyết định thanh lý của Hội đồng Khoa học.

3. Trách nhiệm của chủ nhiệm đề tài

Chủ nhiệm đề tài bị thanh lý có trách nhiệm:

- Hoàn tất thủ tục đề nghị thanh lý và thực hiện chế độ tài chính đối với phần kinh phí đã được thanh toán theo quy định hiện hành;
- Chấp hành quyết định thanh lý.

Phòng NCKH, SĐH&QHQT có trách nhiệm báo cáo Ban giám hiệu những đề tài bị thanh lý để xem xét và không bình xét thi đua cuối năm tại đơn vị đối với chủ nhiệm và thành viên đề tài đó.

Điều 16. Quy trình thanh quyết toán kinh phí của đề tài NCKH cấp trường

Công tác tài chính, thanh quyết toán kinh phí cho các đề tài phải được thực hiện theo các quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và chế độ tài chính hiện hành. Chủ nhiệm các đề tài chịu trách nhiệm quản lý chi tiêu chặt chẽ, có hiệu quả, đảm bảo tính chính xác và thanh quyết toán đúng kinh phí thực tế chi cho từng đề tài;

Đối với các đề tài có sự phối hợp giữa nhiều đơn vị, chủ nhiệm đề tài chịu trách nhiệm ký hợp đồng giao việc với các đơn vị có liên quan, trong đó có những điều khoản cụ thể về các phần việc, kinh phí, yêu cầu về thời hạn giao nộp và chất lượng sản phẩm mà mỗi đơn vị đảm trách. Các bản hợp đồng này sẽ đi kèm theo hợp đồng thực hiện đề tài được ký kết giữa chủ nhiệm đề tài và nhà trường;

Sau khi nghiệm thu, chủ nhiệm đề tài phải hoàn tất các thủ tục thanh, quyết toán số kinh phí còn lại với phòng Kế hoạch – Tài chính theo đúng chế độ. Nếu đề tài không nghiệm thu được, chủ nhiệm đề tài phải bồi hoàn kinh phí theo đúng quy định;

Những đề tài không đạt yêu cầu song Hội đồng nghiệm thu nhất trí cho chủ nhiệm đề tài chỉnh sửa để nghiệm thu lần 2. Chi phí nghiệm thu do chủ nhiệm đề tài chi trả;

Với các đề tài thanh lý, chủ nhiệm đề tài chịu trách nhiệm quyết toán khoản kinh phí đã được thanh toán. Phần kinh phí còn lại sẽ không được thanh toán mà nộp ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

Điều 17. Nội dung và hình thức trình bày báo cáo tổng kết đề tài NCKH cấp trường

1. Yêu cầu chung

Nội dung đề tài nghiên cứu phải được trình bày theo trình tự: phần mở đầu, các chương, kết luận, tài liệu tham khảo, phụ lục (nếu có);

Về hình thức, đề tài phải được trình bày mạch lạc, rõ ràng, sạch sẽ, theo đúng yêu cầu ghi trong Điều 17. Nếu chủ nhiệm không thực hiện đúng yêu cầu sẽ bị trả về cho chủ nhiệm đề tài sửa chữa cho đúng mẫu. Phòng NCKH, SDH&QHQT sẽ nhận lại khi chủ nhiệm đề tài thực hiện đúng yêu cầu của quy định này;

Tài liệu tham khảo phải ghi rõ nguồn tài liệu được trích dẫn. Nếu có sử dụng kết quả nghiên cứu của người khác liên quan đến đề tài nghiên cứu thì phải trích dẫn một cách rõ ràng, khoa học, chính xác và minh bạch.

2. Yêu cầu cụ thể

a. Về bố cục

Báo cáo tổng kết đề tài NCKH cấp trường được trình bày trong một văn bản khoa học theo bố cục như sau:

- Bìa (*phụ lục 11*)
- Trang phụ bìa (*phụ lục 12*)
- Mục lục
- Các ký hiệu, các chữ viết tắt (nếu có, nhưng không quá lạm dụng chữ viết tắt).
- Danh mục các bảng (nếu có)
- Danh mục các hình vẽ, đồ thị (nếu có)
- MỞ ĐẦU (lý do chọn đề tài; lịch sử nghiên cứu; mục đích, đối tượng và phạm vi nghiên cứu; phương pháp nghiên cứu; cấu trúc công trình)

CHƯƠNG 1.....:

1.1...

1.2...

...

CHƯƠNG 2.....

2.1...

2.2...

... -

CHƯƠNG 3.....

3.1...

3.2

...

...

- KẾT LUẬN

- KIẾN NGHỊ

- TÀI LIỆU THAM KHẢO

- PHỤ LỤC

b. Về trình bày

Trình bày văn bản

Văn bản khoa học được trình bày theo kiểu chữ Times New Roman cỡ 13 của hệ soạn thảo Winword; mật độ chữ bình thường, không nén hoặc kéo giãn khoảng cách giữa các chữ; giãn dòng đặt ở chế độ 1,5 lines; lề trên 3 cm; lề dưới 3 cm; lề trái 3,5 cm; lề phải 2 cm. Số trang được đánh ở giữa, phía trên đầu mỗi trang giấy. Nếu có bảng biểu, hình vẽ trình bày theo chiều ngang khổ giấy thì đầu bảng là lề trái của trang.

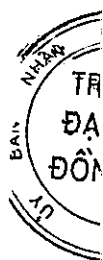
Đề tài được in trên một mặt giấy khổ A4 (210 x 297 mm), dày không quá 150 trang, không kể phụ lục. Đối với các lĩnh vực khoa học xã hội thì công trình có thể không quá 200 trang.

Tiểu mục

Các tiểu mục trong công trình được trình bày và đánh số thành nhóm chữ số, nhiều nhất gồm bốn chữ số với số thứ nhất chỉ số chương (ví dụ: 1.1.2.1). Tại mỗi nhóm tiểu mục phải có ít nhất hai tiểu mục, nghĩa là ví dụ có tiểu mục 3.1.1 mà không có tiểu mục 3.1.2 tiếp theo. Các tiểu mục nhỏ hơn có thể dùng 1, 2, 3... kế tiếp là a, b, c, ...

Bảng biểu, hình vẽ, phương trình

Việc đánh số bảng biểu, hình vẽ, phương trình phải gắn liền với số chương; ví dụ: 1.2. có nghĩa là hình thứ 2 trong chương 1. Mọi bảng biểu, đồ thị lấy từ các nguồn khác phải được chú dẫn đầy đủ; ví dụ: nguồn Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2005. Nguồn được trích dẫn phải được liệt kê chính xác trong danh mục tài liệu tham khảo. Bảng biểu và đồ thị phải đi liền với phần nội dung đề cập tới các bảng biểu và đồ thị đó ngay ở lần thứ nhất.



Trong công trình, các hình vẽ phải được vẽ sạch sẽ và bằng mực đen để có thể sao chụp lại; có đánh số và ghi đầy đủ đầu đề; cỡ chữ phải bằng cỡ chữ sử dụng trong văn bản công trình. Khi đề cập đến các bảng biểu và hình vẽ phải nêu rõ số của hình và bảng biểu đó, ví dụ: "...được nêu trong bảng 2.1", "...xem hình 3.7." mà không được viết "xem bảng dưới đây", "xem hình sau".

Việc trình bày phương trình toán học trên một dòng đơn hoặc dòng kép là tùy ý, tuy nhiên phải thống nhất trong toàn công trình. Khi ký hiệu xuất hiện lần đầu tiên thì phải giải thích và đơn vị tính phải đi kèm ngay trong phương trình có ký hiệu đó. Nếu cần thiết thì danh mục của tất cả các ký hiệu, chữ viết tắt và nghĩa của chúng cần được liệt kê và để ở phần đầu của công trình.

Viết tắt

Không được lạm dụng việc viết tắt trong công trình; chỉ viết tắt những từ, cụm từ dài, những mệnh đề; không viết tắt những từ, cụm từ ít xuất hiện trong công trình. Nếu cần viết tắt những từ, thuật ngữ, tên các cơ quan, tổ chức... thì được viết tắt sau lần viết thứ nhất có kèm theo chữ viết tắt trong ngoặc đơn. Nếu công trình có nhiều chữ viết tắt thì phải có bảng danh mục các chữ viết tắt (xếp theo thứ tự ABC) ở phần đầu công trình.

Cách trích dẫn và tài liệu tham khảo

Mọi trích dẫn phải chỉ rõ nguồn trong danh mục tài liệu tham khảo của công trình. Nếu không có điều kiện tiếp cận được tài liệu gốc mà phải trích dẫn thông qua một tài liệu khác thì phải nêu rõ cách trích dẫn này, đồng thời tài liệu gốc đó không được liệt kê trong danh mục tài liệu tham khảo. Đoạn trích dẫn phải đặt trong ngoặc kép.

Khi ghi nguồn tài liệu tham khảo trong công trình thì ghi theo số thứ tự của tài liệu ở danh mục tài liệu tham khảo và đặt trong ngoặc vuông, nếu cần thì có cả số trang, ví dụ: [3; tr.56], [2; tr.45 – 47]. Đối với phần được trích dẫn từ nhiều tài liệu khác nhau, số của từng tài liệu được đặt độc lập trong từng ngoặc vuông, theo thứ tự tăng dần, ví dụ: [1], [3], [5].

Cách xếp danh mục tài liệu tham khảo:

- Tài liệu tham khảo được xếp riêng theo từng ngôn ngữ (Việt, Anh, Pháp, Đức, Nga, Trung, Nhật...). Các tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải giữ nguyên văn, không phiên âm, không dịch.

- Tài liệu tham khảo xếp theo thứ tự ABC họ tên tác giả:

* Tác giả là người nước ngoài: xếp thứ tự ABC theo họ.

* Tác giả là người Việt Nam: xếp thứ tự ABC theo tên nhưng vẫn nguyên thứ tự thông thường của họ tên người Việt Nam, không đảo tên lên trước họ, cùng tên xếp theo họ.

* Tài liệu không có tên tác giả thì xếp theo thứ tự ABC từ đầu của tên cơ quan ban hành, ví dụ: Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam xếp vào vần H; Bộ Giáo dục và Đào tạo xếp vào vần B...

- Tài liệu tham khảo là sách, luận án, báo cáo phải ghi đầy đủ các thông tin sau:

- * tên tác giả hoặc cơ quan ban hành (không có dấu ngăn cách)
- * (năm xuất bản), (đặt trong ngoặc đơn, dấu phẩy sau ngoặc đơn)
- * *tên sách, luận án, báo cáo*, (in nghiêng, dấu phẩy cuối tên)
- * nhà xuất bản, (dấu phẩy cuối tên nhà xuất bản)
- * nơi xuất bản. (dấu chấm kết thúc tài liệu tham khảo).

- Tài liệu tham khảo là bài báo trong tạp chí, bài trong một cuốn sách... ghi đầy đủ các thông tin sau:

- * tên các tác giả (không có dấu ngăn cách)
- * (năm công bố), (đặt trong ngoặc đơn, dấu phẩy sau ngoặc đơn)
- * “tên bài báo”, (đặt trong ngoặc kép, không in nghiêng, dấu phẩy cuối tên)
- * *tên tạp chí hoặc tên sách*, (in nghiêng, dấu phẩy cuối tên)
- * tập (không có dấu ngăn cách)
- * (số), (đặt trong ngoặc đơn, dấu phẩy sau ngoặc đơn)
- * các số trang. (gạch ngang giữa hai chữ số, dấu chấm kết thúc)

Ví dụ:

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Trần Thị An (2002), “Suy nghĩ mới về bản chất thể loại truyền thuyết”, *Thông báo văn hóa dân gian 2001*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 597-603.
2. Đào Duy Anh (2002), *Việt Nam văn hóa sử cương*, Nxb. Văn hóa – Thông tin, Hà Nội.
3. Trần Lê Bảo (1998), “Lại bàn về mẫu đề thần thoại trong “Tây du ký”, *Văn hóa dân gian*, (4), tr.55-59, Hà Nội.
4. Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam (2005), *Tìm hiểu đặc trưng di sản văn hóa, văn nghệ dân gian Nam Trung Bộ*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

5. Hà Bích Liên (2000), *Quan hệ giữa vương quốc cổ Champa với các nước trong khu vực*, luận án tiến sĩ lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội.

Tiếng Anh

1. Anderson J. E. (1985), The Relative Inefficiency of Quota, The Cheese Case, *American Economic Review*, 75(1), pp. 178-190.

2. Borkakati R.P, Virmani S.S. (1997), Genetics of thermosensitive genic male sterility in Rice, *Euphytica* 88, pp. 1-7.

3. Boulding K.E. (1995), *Economics Analysis*, Hamish Hamilton, London.

4. Burton G.W. (1998), "Cytoplasmic male-sterility in peral millet (*pennisetum glaucum* L.)", *Agronomic Journal* 50, pp. 230-231.

Phụ lục của công trình

Phần này bao gồm những nội dung cần thiết nhằm minh họa hoặc hỗ trợ cho nội dung đề tài như số liệu, mẫu biểu, tranh ảnh... Nếu quá trình nghiên cứu đề tài có sử dụng những câu trả lời cho một bản câu hỏi thì bản câu hỏi này phải được đưa vào phần phụ lục ở dạng nguyên bản đã dùng để điều tra, thăm dò ý kiến; không được tóm tắt hoặc sửa đổi. Các tính toán mẫu trình bày tóm tắt trong các bảng biểu cũng cần nêu trong phụ lục của công trình.

3. Tóm tắt đề tài

Tóm tắt đề tài cũng được trình bày trên giấy A4, cũng có đầy đủ các phần, chương như sau: mở đầu; chương 1, chương 2, chương 3...; tài liệu tham khảo (ghi tổng số), phụ lục (ghi tên phụ lục, ví dụ: 25 truyện cổ được dùng để nghiên cứu, 15 mẫu câu hỏi.v.v); quy cách trình bày như toàn văn công trình, nhưng không quá 15 trang.

Chú ý: Riêng các đề tài là giáo trình, tác giả tách riêng cuốn giáo trình ra khỏi báo cáo tổng kết đề tài và không cần nộp tóm tắt đề tài.

Điều 18. Kinh phí thực hiện đề tài NCKH

1. Kinh phí đề tài cấp Tỉnh, cấp Bộ, cấp Nhà nước

Kinh phí đề tài cấp Tỉnh, cấp Bộ trọng điểm, cấp Nhà nước do Tỉnh, Bộ, Chính phủ cấp.

2. Kinh phí đề tài cấp liên hiệp hội

Đề tài cấp liên hiệp hội được gọi là đề tài 50/50.

Kinh phí loại đề tài được phân bổ như sau: Liên hiệp hội cấp 50%, nhà trường hỗ trợ 20%, chủ nhiệm đề tài tự túc 30%. (theo công văn 4464-UBND-KT ký ngày 05 tháng 07 năm 2011 của Phó chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai: Trần Văn Vĩnh)

3. Kinh phí đề tài cấp trường

Thành viên hội đồng xét duyệt: chủ tịch: 800.000đ, thành viên tham gia: 600.000đ/người, nhận xét của thành viên: 200.000đ/người, nhận xét phản biện 300.000đ/người. Riêng thành viên là người được mời ở cơ sở giáo dục khác sẽ được hỗ trợ tiền xe: 500.000 đ/người.

Thành viên hội đồng nghiệm thu: chủ tịch: 1.000.000đ, thành viên tham gia: 800.000đ/người, nhận xét của thành viên: 300.000đ/người, nhận xét phản biện 500.000đ/người. Riêng thành viên là người được mời ở cơ sở giáo dục khác sẽ được hỗ trợ tiền xe: 500.000 đ/người. (thông tư 25/2015)

Thư ký tổng hợp đề tài cấp trường: 300.000đ/đề tài.

Đề tài sẽ được định mức kinh phí dựa theo *số bài báo đã đăng và xếp loại đề tài* khi nghiệm thu của hội đồng nghiệm thu:

a. Đề tài loại 1 (có 1 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành có chỉ số ISSN):

Khoa học công nghệ: từ 6.000.000đ đến 17.000.000đ tùy theo xếp loại A, B, C của đề tài;

Khoa học tự nhiên, xã hội-nhân văn, kinh tế: từ 5.000.000đ đến 14.000.000đ tùy theo xếp loại A, B, C của đề tài;

b. Đề tài loại 2 (có 2 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành có chỉ số ISSN trở lên; hoặc 1 bài đăng trên tạp chí thuộc danh mục ISI hoặc thuộc danh mục Scopus):

Khoa học công nghệ: từ 18.000.000đ đến 25.000.000đ tùy xếp loại A, B, C của ĐT;

Khoa học tự nhiên, xã hội, kinh tế: từ 15.000.000đ đến 20.000.000đ xếp loại A, B, C của ĐT.

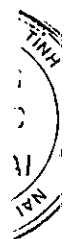
Chú ý:

- Kinh phí nghiệm thu đề tài lần 2 do chủ nhiệm đề tài chi và chịu trách nhiệm.
- Đề tài cấp trường được phân bổ hàng năm cho các khoa/ phòng dựa theo *kinh phí dành cho NCKH hàng năm* và theo *tỷ lệ giảng viên/đơn vị*.

4. Kinh phí seminar bộ môn

Kinh phí seminar bộ môn sẽ được khoán 3.000.000đ/seminar để chi trả các khoản sau:

- Thành viên các Ban tổ chức seminar;



- Sơ duyệt các báo cáo;
- Hỗ trợ cá nhân trình bày báo cáo;
- Kinh phí đóng tập báo cáo seminar;
- Café break.

Thủ tục thanh toán theo yêu cầu phòng Kế hoạch – Tài chính.

5. Kinh phí đề thi và sáng kiến kinh nghiệm

a. Kinh phí nghiệm thu đề thi

Hội đồng khoa học cấp khoa chịu trách nhiệm nghiệm thu đề tài là đề thi. Kinh phí nghiệm thu sẽ được chi trả như sau:

- Thành viên các hội đồng nghiệm thu đề tài cấp khoa: 100.000đ/người;
- Công phản biện 200.000đ/người (mỗi đề tài quy định có 2 phản biện).
- Hỗ trợ cá nhân làm đề tài (VPP): 350.000đ/đề tài.
- Thư ký tổng hợp của khoa: 50.000đ/đề tài.

b. Kinh phí nghiệm thu sáng kiến kinh nghiệm (SKKN)

Phòng NCKH,SDH&QHQT sẽ chịu trách nhiệm nghiệm thu SKKN. Kinh phí nghiệm thu sẽ được chi trả như điều 18 khoản 5 mục a, nhưng không có mục hỗ trợ VPP cho cá nhân thực hiện SKKN.

CHƯƠNG III:

HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN

Điều 19. Hoạt động NCKH của sinh viên

1. Các dạng hoạt động NCKH của sinh viên

NCKH của SV được triển khai dưới các hoạt động như sau:

- Làm khóa luận, đồ án tốt nghiệp (phòng Đào tạo quản lý).
- Làm bài tập lớn của môn học (phòng Đào tạo quản lý).
- Tham gia nghiên cứu đề tài cùng với GV.
- Viết bài đăng tạp chí, tham gia hội thảo khoa học trong và ngoài trường.

2. Quyền lợi của giảng viên hướng dẫn sinh viên làm NCKH

a. Hướng dẫn sinh viên làm NCKH

- Mỗi giảng viên hướng dẫn không quá 4 đề tài/ năm học.
- Mỗi phản biện tính 2 tiết chuẩn/đề tài

b. Thanh toán cho hội đồng đánh giá công trình dự thi

Hội đồng đánh giá đề tài dự thi sẽ được thanh toán theo kế hoạch chi tiêu nội bộ.

3. Kinh phí đề tài NCKH của sinh viên

SV thực hiện đề tài NCKH được dự thi các cấp xếp đạt yêu cầu trở lên được hỗ trợ kinh phí thực hiện đề tài ở mức sau:

- Cấp cơ sở hoặc cấp tương đương: 1.500.000 đ/đề tài.
- Cấp Tỉnh/ cấp Bộ: 2.500.000 đ/đề tài.

4. Quy định về hình thức trình bày đề tài NCKH

SV trình bày theo quy định về nội dung và hình thức trình bày công trình NCKH của GV ghi ở điều 17 của Quy định này.

Điều 20. Điều khoản thi hành


Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, thay thế cho quy định số 1751/QĐ-ĐHĐN ký ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Đại học Đồng Nai.

Trong quá trình thực hiện nếu có điều gì vướng mắc, cần bổ sung cho phù hợp thực tế, đề nghị các đơn vị và cá nhân phản ánh về Phòng NCKH, SĐH&QHQT để tổng hợp trình Hiệu trưởng xem xét, giải quyết.

Riêng các trường hợp khác không áp dụng trong quy định này sẽ do Hiệu trưởng quyết định.

Các Trưởng đơn vị, cá nhân liên quan và toàn thể giảng viên chịu trách nhiệm thi hành quy định này. /.

HIỆU TRƯỞNG



TS. Trần Minh Hùng